

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Thiệu Khắc Yên

2. Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 19/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, Sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn Hữu Cần, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T1.

Trú tại: Thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà H, vắng mặt ông T và bà T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và tại bản tự khai ngày 07/3/2019 nguyên đơn là bà Đỗ Thị H trình bày: Ngày 30/3/2018 ông Đỗ Xuân T có đến gia đình bà vay số tiền 50.000.000đ lãi suất 1%/tháng, tiền gốc trả góp trong thời hạn 10 tháng, mỗi tháng 5.000.000đ nhưng ông T mới trả cho bà H 1 tháng, với số tiền là 5.000.000đ sau đó không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận, Hai bên thỏa thuận lại là mỗi tháng ông T phải trả 5.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi, khi trả còn 25.000.000đ thì hai bên không phải trả lãi nữa nhưng ông T vẫn không trả nợ theo thỏa thuận, khi bà đến nhà để đòi nợ thì ông T không trả mà

còn thách thức bà. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi mỗi tháng là 0,6%.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đỗ Thị H vẫn giữ quyền yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết buộc ông Đỗ Xuân T, trú tại thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 45.000.000đ và số tiền lãi với mức lãi xuất là 0,6%/tháng, kể từ tháng 5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng, tổng cả gốc và lãi là 49.320.000đ và số tiền lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi trả hết tiền gốc.

- *Tại bản tự khai ngày 07/3/2019 bị đơn là ông Đỗ Xuân T trình bày:* Ông có vay của bà H số tiền 160.000.000đ nhưng đã trả được 115.000.000đ, còn lại 45.000.000đ thỏa thuận không tính lãi và trả gốc mỗi tháng 5.000.000đ. Ông đồng ý còn nợ bà H số tiền 45.000.000đ nhưng không có lãi và ông đề nghị trả cho bà H mỗi tháng 500.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T1 đã được tòa án triệu tập đến làm việc nhiều lần nhưng vẫn không có mặt, vì vậy không có lời khai của bà T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Đỗ Xuân T và bà Vũ Thị T1 nên không có quan điểm về việc giải quyết vay nợ.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

*** Về tổ tụng:**

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án.

*** Về nội dung:**

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Căn cứ điều 463; điều 466; điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị H, buộc ông Đỗ Xuân T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc đã vay là 45.000.000đ và

số tiền lãi mỗi tháng 300.000đ tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày xét xử là 17 tháng = 5.100.000đ(năm triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc ông Đỗ Xuân T phải trả số tiền cả gốc và lãi cho bà Đỗ Thị H là 50.100.000đ(Năm mươi triệu một trăm nghìn đồng)

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Đỗ Xuân T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho bà Đỗ Thị H.

Trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Giao dịch dân sự giữa bà Đỗ Thị H với ông Đỗ Xuân T là quan hệ vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự và là tranh chấp về Hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 2 điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Đỗ Xuân T là người có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy tranh chấp giữa bà Đỗ Thị H với ông Đỗ Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khi làm đơn khởi kiện, nguyên đơn chưa yêu cầu đưa bà Vũ Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đề nghị đưa bà Vũ Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với lý do bà Vũ Thị T1 là người đã thay mặt ông Đỗ Xuân T trả nợ cho bà số tiền 5.000.000đ và 300.000đ tiền lãi của tháng 4/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T1 đến Tòa án làm việc nhiều lần, tiến hành triệu tập ông Đỗ Xuân T và bà Vũ Thị T1 đến Tòa án để tiến hành việc hòa giải nhưng ông T và bà T1 không có mặt, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải, đây là trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 22/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã mở phiên tòa sơ thẩm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 06/8/2019 nhưng ông Đỗ Xuân T và bà Vũ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ngày 10/9/2019, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên ông Đỗ Xuân T và bà Vũ Thị T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Do đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho bị đơn Đỗ Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị T1, nhưng ông T và bà T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy cần áp dụng điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Đỗ Xuân T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Thị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ông Đỗ Xuân T có vay của bà Đỗ Thị H số tiền 50.000.000đ theo hình thức trả góp, mỗi tháng trả 5.000.000đ tiền gốc, sau khi vay nợ, bà Vũ Thị T1 là vợ ông T đã đến trả nợ cho bà H 1 lần tiền gốc với số tiền là 5.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Xuân T và bà Đỗ Thị H đều thừa nhận đến thời điểm khởi kiện, ông Đỗ Xuân T còn nợ bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), vì vậy có đủ cơ sở để kết luận và buộc ông Đỗ Xuân T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc còn nợ là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Đối với số tiền lãi thấy rằng: Trong bản tự khai và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, bà Đỗ Thị H cho rằng khi ông T vay tiền của bà, hai bên thỏa thuận lãi xuất là 1%/tháng, sau đó hai bên thỏa thuận lại, ông T mỗi tháng phải trả cho bà 300.000đ tiền lãi, khi trả gốc còn lại 25.000.000đ sẽ không tính lãi nữa, do ông T không thực hiện theo thỏa thuận, vì vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả tiền gốc vay và tiền lãi mỗi tháng là 0,6% kể từ tháng 5/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đỗ Thị H trình bày: Trong “giấy vay tiền” ngày 30/3/2018, Phần ghi dòng chữ “*trả lãi 1 tháng = 300.000 trả lãi đến 25.000.000 không thu lãi*” là do bà viết sau khi ông T không trả được tiền như cam kết và hai bên thỏa thuận lại việc trả nợ. Đối với phần ghi chữ “*L.suất 1%*” là do bà ghi thêm vào khi ông T ghi thiếu.

Đối chiếu với việc cam kết thỏa thuận trả nợ, bà tính lại lãi xuất ông T phải trả cho bà là 0,6%/tháng và bà yêu cầu ông T phải trả tiền lãi cho bà từ tháng 5/2018 đến tháng 3/2019 là 11 tháng, tổng cộng tiền lãi là 3.267.000đ.

Xét đề nghị của bà H về việc yêu cầu ông T trả lãi thấy rằng: Trong “*giấy vay tiền*” hai bên không thể hiện việc thỏa thuận lãi vay là bao nhiêu, việc ghi lãi xuất là hoàn toàn do bà H tự ghi thêm vào, trong khi đó ông T cho rằng hai bên vay nợ không có lãi, vì vậy không có cơ sở kết luận hai bên có thỏa thuận lãi xuất với nhau hay không, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận đây là trường hợp vay có thời hạn và không lãi. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu trả lãi như bà H yêu cầu.

Do được xác định đây là trường hợp vay tài sản có thời hạn và không có lãi, trong khi đó các bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng. Do đó kể từ ngày 01/01/2019 là đến hạn trả nợ nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ như cam kết, vì vậy cần căn cứ vào khoản 4 điều 466 và khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự để buộc ông T phải trả số tiền lãi kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên cơ sở khoản tiền gốc được chấp nhận là 45.000.000đ và lãi xuất được áp dụng là 10%/năm, trong khi đó thời gian được tính lãi xuất kể từ ngày

01/01/2019 đến ngày xét xử (ngày 10/9/2019). Tổng số ngày được hưởng lãi xuất là 252 ngày. Do đó số tiền lãi được chấp nhận là $(10\% : 365 \text{ ngày}) \times 252 \text{ ngày} \times 45.000.000đ = 3.106.800đ$.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đỗ Thị H được chấp nhận, vì vậy cần áp dụng điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội để trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị H đã nộp và buộc ông Đỗ Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H, buộc ông Đỗ Xuân T, địa chỉ: Thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Đỗ Thị H địa chỉ: Thôn Hữu Cần, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền gốc là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/9/2019 là: 3.106.800đ (*Ba triệu một trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng*)

Tổng cả gốc và lãi buộc ông Đỗ Xuân T, trú tại: thôn Hữu Kiệm, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Đỗ Thị H địa chỉ: Thôn Hữu Cần, xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền là 48.106.800đ (*Bốn mươi tám triệu một trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Đỗ Xuân T phải chịu 2.405.300đ (*Hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn ba trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuyên trả lại bà Đỗ Thị H số tiền tạm ứng án phí là 1.181.000đ (*Một triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001810

ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bà H, vắng mặt ông T và bà T1. Bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông T và bà T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Nông Cống;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh